

# MỘT VÀI NÉT VỀ DÂN CHỦ HOÁ Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

Ths. Phan Đức Thọ  
*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

## Khái niệm dân chủ và dân chủ hóa

Ngày nay, rất nhiều người biết khái niệm dân chủ có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp Democratia, tiếng Latin là Demokratia. Nó được tạo thành bởi chữ demos nghĩa là quần chúng, nhân dân, và cratos nghĩa là chính quyền, quyền lực. Gắn kết lại, democratia trở thành thuật ngữ để chỉ quyền lực của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân hay quyền làm chủ của nhân dân.

Những mô hình dân chủ thực tế đầu tiên làm cơ sở để khái quát nên thuật ngữ “dân chủ” của người Hy Lạp, đó chính là mô hình chính quyền của những người cộng hòa ở Maha Janapadas thuộc Ấn Độ cổ đại vào khoảng trước thế kỷ 6 trước CN (trước khi đạo Phật ra đời). Sau đó vào thời kỳ của Alexander Đại Đế, những người Hy Lạp đã có quan hệ với hai trong số những nền cộng hòa này là Sabarcae và Sambastai (nay là Pakistan và Afghanistan). Chính những nước này đã dạy cho các học giả Hy Lạp về cách hình thành một chính quyền dân chủ không có vua chúa và thuật ngữ “dân chủ” xuất hiện trong xã hội Hy Lạp cổ vào khoảng thế kỷ 5 trước công nguyên. Nền dân chủ Athen được coi là nền dân chủ sớm nhất đạt được những tiêu chuẩn cơ bản của quan niệm hiện đại về chế độ dân chủ. Trong nền dân chủ Hy Lạp

cổ đại, khoảng 1/4-1/6 tổng số đàn ông trưởng thành (người tự do), bất kể giàu nghèo, có quyền bỏ phiếu và phát biểu tự do tại Quốc hội (Assembly). Tại Quốc hội, người Hy Lạp cổ trực tiếp bàn bạc, đưa ra các quyết định, không áp dụng chế độ bỏ phiếu bầu đại diện.

Theo thời gian, khái niệm “dân chủ” cũng thay đổi. Nội hàm của khái niệm dân chủ ngày nay chủ yếu được hình thành vào thế kỷ 18, gắn liền với sự ra đời của một loạt các chế độ dân chủ ở nhiều quốc gia (mặc dù vẫn còn một vài thành tố gây tranh cãi). Tổ chức IDEA (the International Institute for Democracy and Electoral Assistance - tạm dịch là Viện Hỗ trợ bầu cử và dân chủ quốc tế) đã đưa ra một khuôn khổ chung, đánh giá mức độ dân chủ và tự do của một quốc gia được đồng đảo các tổ chức trong cộng đồng quốc tế thừa nhận. Đây vừa là tiêu chí đánh giá mức độ vừa đồng thời phản ánh những thành tố của nền dân chủ. Theo khuôn khổ này, nền dân chủ được nhìn nhận trên cơ sở 14 tiêu chí:

1. Tồn tại chủ quyền quốc gia và chế độ công dân;

2. Tôn tại nhà nước pháp quyền và khả năng tiếp cận công lý của người dân (tính độc lập, công khai và hiệu quả của ngành tư pháp);

3. Các quyền tự do chính trị và dân sự;

4. Các quyền tự do kinh tế và xã hội;

5. Các cuộc bầu cử tự do và công bằng;

6. Các đảng chính trị thực hiện được vai trò dân chủ đại diện;

7. Hiệu quả và trách nhiệm của chính quyền;

8. Các lực lượng vũ trang như quân đội, cảnh sát được kiểm soát và điều khiển bởi chính quyền dân sự;

9. Giảm thiểu tham nhũng;

10. Môi trường truyền thông cho xã hội dân chủ (mức độ tự do của tivi, đài, sách, báo, tạp chí ...);

11. Việc tham gia hoạt động chính trị của người dân, các tổ chức trong xã hội;

12. Khả năng phản ứng của chính phủ;

13. Phi tập trung hóa quyền lực (phân chia thẩm quyền với địa phương);

14. Quan niệm dân chủ vượt ra ngoài biên giới quốc gia.

Bên cạnh thuật ngữ dân chủ, báo chí hiện đại còn xuất hiện một thuật ngữ nữa cũng rất phổ biến là dân chủ hóa. Đây là hai khái niệm khác nhau, nhưng có mối quan hệ khăng khít, đi liền với nhau. Dân chủ chỉ đến một trạng thái xã hội hoàn thiện còn dân chủ hóa là một quá trình (thường lâu dài) để đạt đến trạng thái đó. Dân chủ là cái đích của quá trình dân chủ hóa (mặc dù đây chỉ là quá

trình tiệm cận ngày càng gần – vì không có khái niệm dân chủ tuyệt đối). Ngày nay, cuộc tranh luận về những thành tố của khái niệm dân chủ được thay thế bởi cuộc tranh luận về việc đánh giá tính dân chủ trong mỗi quốc gia. Lý do là ở chỗ, mặc dù đa số các quốc gia thừa nhận giá trị của dân chủ và thiết lập những bộ máy chính quyền tuân theo mô hình mà khái niệm dân chủ đặt ra, nhưng rất nhiều khi những mô hình dân chủ đó chỉ là hình thức. Và con đường đưa một quốc gia nào đó đạt đến trạng thái dân chủ được đa số cộng đồng quốc tế thừa nhận phải trải qua hai giai đoạn: *Giai đoạn thứ nhất* - thiết lập một cơ cấu xã hội dân chủ đặc biệt nhất bộ máy chính quyền được xây dựng trên nền tảng dân chủ - ít nhất là có logic về mặt hình thức; *Giai đoạn thứ hai* - làm cho những bộ phận của cơ cấu đó trở nên có sức sống và hoạt động có hiệu quả, thực sự giữ đúng vai trò trong cả hệ thống dân chủ.

Nghiên cứu này có mục đích xem xét, đánh giá và rút kinh nghiệm từ quá trình dân chủ hóa ở Đông Âu, do vậy cách tiếp cận và nghiên cứu quá trình dân chủ hóa ở Đông Âu được thực hiện dưới hai góc độ: *Thứ nhất*, là quá trình hình thành các thành tố cơ bản của nền dân chủ; *Thứ hai*, kết quả đạt được từ quá trình thiết lập và vận hành các thành tố dân chủ đó. Riêng đối với góc độ thứ nhất, các thành tố dân chủ được xem xét căn bản dựa trên các tiêu chí của IDEA, nhưng sẽ loại bỏ đi một vài thành tố không phù hợp với những nền dân chủ mới hình thành (ví dụ yêu

câu 12,13 - những yếu tố này chỉ phù hợp khi đánh giá những nền dân chủ đã tương đối ổn định, không phù hợp với những quốc gia mới trải qua cách mạng, thay đổi chế độ chính trị hoặc yêu cầu 14 phải thừa nhận dân chủ có tính quốc tế vượt qua yếu tố chủ quyền quốc gia... đây là điều vẫn đang rất gây tranh cãi...):

- Việc thiết lập chính quyền mới thông qua bầu cử tự do trên cơ sở thừa nhận sự có mặt của các lực lượng chính trị đối lập, thông qua Hiến pháp mới (bằng biện pháp dân chủ) ghi nhận một nền chính trị đa nguyên với sự có mặt của một hệ thống các đảng chính trị cạnh tranh giành quyền lực thông qua bầu cử;

- Tổ chức được các cuộc bầu cử tự do theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu theo đúng định kỳ;

- Xây dựng nhà nước pháp quyền, trong đó luật pháp có giá trị tối thượng, được đảm bảo thực hiện và một nền tư pháp độc lập đặc biệt không bị phụ thuộc vào hành pháp;

- Sự ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật các quyền cơ bản của công dân (các quyền tự do chính trị - dân sự, kinh tế - xã hội) và những quyền này phải được đảm bảo trên thực tế;

- Hình thành một tầng lớp trung lưu bằng cách ghi nhận quyền tư hữu và tự do kinh doanh..., tư nhân hóa hoạt động kinh tế để người dân tự làm giàu cho bản thân, cho xã hội và quốc gia. (Theo một số nhà lý luận, sự tồn tại của một tầng lớp những người có mức độ sở hữu tài sản trung bình sẽ có tác dụng làm ổn định ảnh hưởng, cho phép nền

dân chủ phát triển. Điều này thường được giải thích rằng: trong khi các tầng lớp thượng lưu muốn quyền lực chính trị bảo vệ vị trí của họ còn tầng lớp hạ lưu nghèo khổ chỉ mong muốn lật đổ chính quyền thì tầng lớp trung lưu ít lạm dụng quyền lực chính trị và do đó cũng ít có khả năng theo đuổi các biện pháp phi dân chủ để giành giật chính quyền.);

- Có một xã hội dân sự phát triển, trong đó các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, NGOs có vai trò tích cực trong quá trình hoạch định chính sách của bộ máy chính quyền. Đây là nhân tố quan trọng đối với quá trình dân chủ hóa vì chúng giúp con người đoàn kết trong một mục đích chung và mạng lưới của những tổ chức này sẽ có tác dụng thách thức và điều chỉnh tổ chức của hệ thống chính quyền quốc gia;

- Giải quyết được vấn đề thống nhất về địa vị pháp lý đối với các dân tộc, tôn giáo trong quốc gia. Đây là một yếu tố quan trọng, vì theo một số học giả: Một quốc gia bị chia cắt sâu sắc bởi yếu tố dân tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ sẽ không thể làm cho nền dân chủ hoạt động được. Cơ sở của lý thuyết này là ở chỗ, các bộ phận khác nhau của quốc gia sẽ mong muốn tìm cách giành lấy quyền lực hơn là chia rẽ với nhóm khác.

### **Khái quát quá trình dân chủ hóa ở Đông Âu <sup>1</sup>**

Mặc dù quá trình chuyển đổi của mỗi nước Đông Âu diễn ra vào những thời điểm

<sup>1</sup> Các nước Đông Âu trong nghiên cứu này không bao gồm các nước thuộc Liên Xô cũ và Nam Tư cũ. Với đặc thù của những nước này, quá trình dân chủ cần được nghiên cứu riêng với cách tiếp cận phù hợp.

lịch sử riêng, xuất phát từ điều kiện chính trị, kinh tế xã hội đặc thù riêng của từng nước, nhưng vẫn có thể nhận thấy một số diễn biến mang tính quy luật chung trong quá trình dân chủ hóa ở những quốc gia này như sau:

*- Quá trình dân chủ hóa ở mọi quốc gia đều được khởi động bằng việc thừa nhận một nền chính trị đa nguyên, tổ chức một cuộc bầu cử mới trên cơ sở thừa nhận lực lượng chính trị đối lập và tiến hành ngay việc thương lượng, thảo luận xây dựng bản hiến pháp mới.*

Ba Lan là nước chấm dứt chính quyền XHCN đầu tiên ở Đông Âu vào năm 1989 với sự khởi xướng của lực lượng Công đoàn Đoàn kết. Cuộc bầu cử tổng thống Ba Lan được tổ chức vào năm 1990 đem lại kết quả thắng lợi cho phe đối lập. Tiếp theo Ba Lan, bộ máy cầm quyền ở những nước Đông Âu khác (Tiệp Khắc, Hungary, Bulgaria, Rumani) dưới sức ép của các lực lượng xã hội trong nước cũng như quốc tế, đều nhất loạt thừa nhận sự tồn tại lực lượng chính trị đối lập, tiến hành đối thoại đàm phán cải cách chế độ chính trị, xây dựng hiến pháp mới. Các hoạt động này đều tập trung diễn ra từ cuối năm 1989 đến hết năm 1990.

*- Quá trình chuyển đổi chính quyền, chế độ chính trị về căn bản được diễn ra trong hòa bình, trên cơ sở thương lượng giữa các lực lượng chính trị, không có bạo lực, không có sự tham gia của lực lượng quân sự - điều này thể hiện sự chín muồi về nhận thức của người dân đối với nhu cầu cải cách xã hội.*

Đây thực sự là một trong những quá trình chuyển đổi chính trị văn minh nhất và

nhân đạo nhất trong các cuộc cách mạng thay đổi chế độ chính trị trên thế giới từ trước tới nay. Chính biến ở Ba Lan diễn ra đầu tiên và gây chú ý nhiều nhất đối với dư luận quốc tế. Tại thời điểm đó, với sức nóng của các mâu thuẫn chính trị, rất nhiều người đã nghĩ đến sự xuất hiện và tham gia của lực lượng vũ trang. Tuy nhiên, cuối cùng nhờ vai trò trung gian của Nhà thờ Thiên Chúa giáo, Đảng Lao động Thống nhất (Polish United Workers' Party - PZPR) và lực lượng Công đoàn Đoàn kết đã tổ chức được một cuộc thảo luận kéo dài từ tháng hai đến tháng tư năm 1989 và đi đến thống nhất về các nội dung cơ bản: Cải cách kinh tế; Sửa đổi căn bản Hiến pháp; Tổ chức bầu cử tự do. Chính biến ở Tiệp Khắc diễn ra êm đềm đến mức sau này người ta gọi nó với cái tên Cuộc cách mạng Nhung. Sau diễn biến của Ba Lan, ngay trong năm 1989, Hội đồng Liên bang Tiệp Khắc đã cho thông qua đạo luật ghi nhận nền chính trị đa nguyên với sự tồn tại của một hệ thống đảng chính trị cùng hoạt động, đồng thời tiến hành bầu cử Tổng thống mới. Hungary mặc dù mới bầu cử lãnh đạo cao nhất năm 1988, nhưng với sức ép chính trị sau sự kiện ở Ba Lan, ngay cuối năm 1989, một hội nghị bàn tròn được tổ chức. Trong hội nghị đó, các bên đã đạt được sự nhất trí tôn trọng đàm phán, đảm bảo xã hội ổn định, không gây ra áp lực quân sự và chính trị. Và cuộc bầu cử Tổng thống trên cơ sở đa nguyên chính trị cũng được diễn ra ngay trong năm 1990. Bulgaria và Rumani cũng giống nhau ở chỗ lực lượng đối lập khá yếu. Sự chuyển đổi chế độ chính trị chủ yếu diễn ra do ảnh hưởng nhiều của trào lưu quốc tế, kết quả vẫn là những nhà lãnh đạo

cũ nắm chính quyền theo kiểu “bình mới rượu cũ”. Riêng Rumani là nước duy nhất có sự khác biệt bởi trước khi tổ chức bầu cử lại, chính quyền của nhà lãnh đạo độc tài Ceasescu đã bị đảo chính bằng quân sự trước bởi chính những người cấp dưới - đây là ngoại lệ duy nhất ở Đông Âu mà quá trình chuyển đổi có sự tham gia (chỉ là ban đầu) của lực lượng quân sự.

*- Hầu hết đều là lực lượng có tư tưởng cải cách giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử đầu tiên và các quốc gia đều bắt đầu phát triển đi lên khi lực lượng có tư tưởng cải cách lên cầm quyền.*

Về mặt hình thức, Ba Lan là nước duy nhất có lực lượng đối lập giành ngay được chính quyền năm 1989. Trong tất cả những nước Đông Âu còn lại, chính quyền sau cuộc bầu cử mới vẫn thuộc về tầng lớp lãnh đạo của chính quyền cũ. Điều này có thể dẫn tới hiểu lầm về tính chất hình thức của cuộc cải cách chính trị. Tuy nhiên nếu xem xét kỹ, tất cả các lực lượng chính trị mang tư tưởng cải cách đều giành thắng lợi, bất kể lực lượng đó thuộc về lực lượng chính trị cũ hay mới. Ở Ba Lan, lực lượng cải cách đối lập của ông Tadeusz Mazowiecki đã giành thắng lợi khi lực lượng Đảng Lao động cầm quyền quá trì trệ. Ở Tiệp Khắc, Václav Havel - nhà cải cách xuất sắc - đã trúng cử trong cuộc bầu Tổng thống đầu tiên trên cơ sở đa nguyên chính trị (sau đó tiếp tục thắng cử trong cuộc bầu cử Tổng thống Séc năm 1992, tái cử và chỉ dừng lại năm 2003. (Do Hiến pháp quy định Tổng thống không được quá hai nhiệm

kỳ liên tiếp). Mặc dù cuộc bầu cử năm 1990 ở Hungary không đưa lại một lực lượng lãnh đạo chính trị mới như Ba Lan, nhưng Hungary vẫn có một giới lãnh đạo mang tư tưởng cải cách. Đó chính là kết quả của cuộc bầu cử năm 1988 với việc thay thế Janos Kadar - người lãnh đạo đảng Cộng sản Hungary từ năm 1956, bởi nhà lãnh đạo cộng sản có tư tưởng cải cách Karoly Grosz và Miklos Nemeth. Bulgary và Rumani, do tư tưởng cải cách trong nước còn mờ nhạt, những người lãnh đạo cũ với tư duy cũ vẫn tiếp tục nắm chính quyền (dù đã đổi tên đảng cầm quyền, ghi nhận chế độ đa nguyên chính trị và tổ chức bầu cử lại) cho đến những năm 1996-1997. Đến lúc này các lực lượng cải cách mới đủ mạnh để nắm chính quyền ở Bulgary năm 1997, Rumani năm 1996. Hai nước này cũng chỉ thực sự phát triển kinh tế và được phương Tây thừa nhận hoàn thành công cuộc cải cách chế độ xã hội bắt đầu từ thời điểm này.

*- Các bản hiến pháp mới ghi nhận chính thức chế độ đa nguyên chính trị, quyền tự do lập hội (quyền thành lập các đảng chính trị).*

Việc mở ra quyền tự do lập đảng chính trị đã thực sự phản ánh được nguyện vọng chính trị của người dân các nước Đông Âu. Chỉ trong một thời gian ngắn, các đảng chính trị ở những quốc gia này đã mọc lên như nấm sau cơn mưa. Số lượng các đảng chính trị được đăng ký ở Ba Lan, Séc, Hungary lên đến con số hàng chục (từ 30-50 đảng. Ví dụ Séc có 58), ở những nước như Bungary và

Rumani, con số vượt lên hơn rất nhiều: Rumani có 80 và đặc biệt Bulgary lên tới 140 đảng.

Để tránh hệ thống đảng chính trị trở nên quá manh mún, chông chéo về hệ tư tưởng trên phổ chính trị, các quốc gia này lần lượt phải thông qua những luật bầu cử mới nhằm hạn chế bớt sự gia tăng số lượng đảng. Các Luật Bầu cử mới đưa ra ngưỡng bầu cử - số phiếu thu được tối thiểu từ các cuộc bầu cử. Con số này thường dao động từ 4-7% tổng số phiếu bầu. Ngoài ra các Luật Bầu cử còn có thể đưa ra những hạn chế khác như Luật Bầu cử Rumani đòi hỏi mỗi đảng chính trị phải có ít nhất 10 ngàn đảng viên và số đảng viên phải trải khắp các vùng lãnh thổ của quốc gia. Hoặc điều 11 hiến pháp Bulgary cấm các nhóm dân tộc thiểu số thành lập các đảng chính trị dựa trên cơ sở sắc tộc...

Tất cả những quy định này dẫn đến thực tế là cho dù tồn tại hàng chục hay hàng trăm đảng phái chính trị, tại các quốc gia này chỉ có trên dưới 10 đảng thực sự tham gia và có vai trò trong chính trường. Đó là những đảng có đủ sức tranh giành được ghế trong Nghị viện và các cuộc bầu cử người đứng đầu quốc gia.

*- Các bản hiến pháp mới đều ghi nhận chính thức quyền tư hữu và quyền tự do kinh doanh.*

Việc các bản hiến pháp ghi nhận và bảo vệ chính thức quyền tư hữu và tự do kinh doanh là sự khởi đầu cho một tiến trình

chuyển đổi sâu sắc đời sống xã hội tại những nước này. Đi liền với các quyền này là việc sửa đổi và thông qua một loạt các đạo luật như Luật Công ty, Luật Thương mại, Luật Dân sự, Luật Phá sản... nhằm tạo hành lang pháp lý để thực hiện quyền tự do kinh doanh của người dân. Và một trong những hoạt động quan trọng nhất mà các chính phủ các quốc gia này đã làm và làm rất sớm ngay từ khi thay đổi chế độ, đó là tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Trong giai đoạn trước cải cách, kinh tế nhà nước tại các quốc gia Đông Âu chiếm từ 90-97% tổng GDP. Sau quá trình tư nhân hóa và cho phép tự do kinh doanh, đến nay nền kinh tế tại các nước này về cơ bản thuộc tư nhân thực hiện (tư nhân tại Ba Lan, Séc, Hungary, Bulgary, Rumani tương ứng đóng góp 75, 80, 80, 61, 65% GDP quốc gia - Số liệu năm 2001). Cùng với các chỉ số phân hóa giàu nghèo không cao, có thể nói các nước này đã thành công trong việc tạo ra một tầng lớp trung lưu - lực lượng xã hội chính (theo quan điểm của những nhà nghiên cứu chính trị ngày nay), để làm cho xã hội ổn định và là môi trường tốt để duy trì nền dân chủ thực sự.

*- Đều thực hiện việc tách bạch Nhà nước và Nhà thờ.*

Trong quá trình xây dựng bản Hiến pháp mới, các quốc gia đều diễn ra cuộc tranh luận về việc tách bạch Nhà nước và Nhà thờ. Cho đến nay chỉ duy nhất Séc vẫn chưa ngã ngũ về vấn đề này, ở đây Nhà nước vẫn tiếp tục

trợ cấp tiền cho các nhà thờ, bất chấp thực tế có đến 58% dân số nước này tự xem mình là vô thần. Các nước khác đều sớm có quy định rõ ràng tách biệt Nhà nước và Nhà thờ. Ba Lan là nước có vấn đề này tranh cãi khó khăn và lâu dài nhất. Mặc dù chế độ chính trị thay đổi từ năm 1990, nhưng vấn đề bình đẳng tôn giáo cũng như mối quan hệ giữa Nhà thờ và Nhà nước vẫn là chủ đề tranh cãi quyết liệt trên các diễn đàn chính trị cũng như xã hội cho đến tận 1997 mới kết thúc bằng quy định chính thức trong Hiến pháp mới thông qua năm 1997. Theo đó, Nhà nước và Nhà thờ hoàn toàn tách biệt, mặc dù giới tăng lữ của nhà thờ Thiên Chúa giáo vẫn được ghi nhận là có những ảnh hưởng về chính trị, xã hội nhất định. Điều duy nhất mà chính quyền thừa nhận đó là lễ cưới thực hiện theo nghi thức tôn giáo.

*- Hầu hết các quốc gia đều phải đối mặt với vấn đề các dân tộc thiểu số và cuối cùng đều phải đi đến nhượng bộ, nơi lòng quy chế nhập quốc tịch.*

Trừ Ba Lan không phải đối mặt với vấn đề dân tộc thiểu số, các nước còn lại đều gặp phải khó khăn trong việc tạo ra một chế độ pháp lý cũng như sự đối xử bình đẳng với các dân tộc thiểu số khác nhau. Cộng hòa Séc phải đối mặt với vấn đề tách biệt của nhóm người Roma và những người nhập cư không có quốc tịch ngày càng đông. Phải mất nhiều năm, cùng với áp lực của điều kiện gia nhập Liên minh EU vấn đề mới được giải quyết bằng Luật Quốc tịch năm 1999 sửa đổi theo chiều hướng đơn giản hóa, dễ dàng hơn trong

việc giành được quốc tịch Séc và nó đã giải quyết được 90% cư dân thuộc diện này. Năm 2001, Séc tiếp tục sửa đổi Hiến pháp về Quyền của các Dân tộc thiểu số trong quốc gia, chính thức ghi nhận và đề ra các biện pháp bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản của người dân tộc thiểu số. Vấn đề đặt ra với nhóm người Roma ở Séc cũng tồn tại ở Hungary. Mặc dù Hungary hiện đang theo đuổi một chính sách nhạy cảm đối với dân tộc thiểu số, tập trung giải quyết vấn đề hòa nhập cộng đồng của nhóm người thiểu số, nhưng việc thiếu vắng một hệ thống đồng bộ những quy định pháp luật chống phân biệt đối xử, thiếu cơ quan chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện những quy định này đang là vấn đề bị cộng đồng quốc tế chỉ trích mạnh mẽ nhất. Cho đến nay mới chỉ có một dự luật đề cập về vấn đề này, nhưng vẫn đang tranh cãi và chưa được thông qua. Bulgaria mặc dù phải đối mặt với hai nhóm người thiểu số Roma và Thổ (chiếm gần 10% dân số), nhưng đã giải quyết được việc đòi hỏi ly khai của nhóm này bằng cách cho phép liên minh với đảng cầm quyền và được cấp một vài ghế bộ trưởng. Riêng ở Rumani, tư tưởng bài ngoại và chủ nghĩa dân tộc cực đoan còn khá phổ biến trong quan niệm cử tri (chiếm khoảng 30%). Điều này chứng tỏ những quy định về chế độ công dân không phân biệt chủng tộc, nguồn gốc... còn phải mất thời gian dài mới có thể thực hiện được.

*- Các quốc gia đều thiết lập những điều kiện pháp lý để thúc đẩy sự hình thành và phát triển của xã hội dân sự.*

Các quốc gia Đông Âu đều cố gắng tạo điều kiện để phát triển một xã hội dân sự mạnh - một kênh độc lập có vai trò như một lực lượng đối trọng đối với các đảng phái chính trị, tác động vào quá trình hoạch định chính sách của bộ máy chính quyền - đây chính là nền tảng quan trọng cho một xã hội dân chủ. Ở các nước Ba Lan, Séc, Hungary, các tổ chức phi lợi nhuận này phát triển khá mạnh, số lượng lên tới khoảng 50-70 ngàn. Tuy nhiên các tổ chức này mới chỉ tập trung phát triển ở khu vực đô thị và nhiều trong số đó mặc dù đăng ký là tổ chức phi lợi nhuận, nhưng lại tập trung vào các hoạt động dịch vụ dựa trên cơ sở thị trường nhiều hơn là tham gia thúc đẩy nền dân chủ, điều này đặc biệt phổ biến ở Hungary.

Ở Bulgaria và Rumani, tình hình các tổ chức này còn ở mức độ kém hơn cả về số lượng và chất lượng. Các tổ chức chưa thực sự bám rễ được trong xã hội, vai trò ảnh hưởng hết sức mờ nhạt. Tư duy về tổ chức xã hội từ thiện ở những nước này còn rất kém, điều này thể hiện ở con số thống kê năm 1996: chỉ có 6% người trưởng thành tham gia các tổ chức xã hội dân sự, trong khi 59% trong số họ là thành viên của các tổ chức công đoàn. Điều này cũng giải thích tại sao xếp hạng dân chủ ở hai nước này thấp hơn hẳn so với 3 nước trên.

**Nhận xét chung và bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình dân chủ hóa của các nước Đông Âu**

Qua xem xét, phân tích quá trình dân chủ hóa cũng như so sánh kết quả thu được từ quá trình này của các quốc gia Đông Âu, có thể nhận thấy rằng, quá trình dân chủ hóa ở các nước Đông Âu, tuy mỗi nước có những đặc điểm riêng và lộ trình riêng nhưng đều diễn ra theo cùng một khuôn khổ: Sửa đổi hiến pháp ghi nhận đa nguyên chính trị, thực hiện phân quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền, tư nhân hóa nền kinh tế, bảo đảm thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân trên thực tế, thúc đẩy hình thành và phát triển xã hội dân sự. Quá trình này diễn ra trong một phạm vi rộng lớn của cả Đông Âu và trong thời gian không phải ngắn mà không hề có sự can thiệp của lực lượng quân sự. Điều này chứng tỏ tiến trình dân chủ ở Đông Âu diễn ra thực sự xuất phát từ nhu cầu phát triển nội tại trong mỗi quốc gia. Đây là khác biệt căn bản với những những cuộc cách mạng màu "cam" hay "hạt dẻ" diễn ra một cách chóng vánh với sự can thiệp mạnh mẽ từ nước ngoài như ở một số nước thuộc SNG gần đây. Xuyên suốt việc xem xét, phân tích quá trình này tại các quốc gia, có thể nhận thấy rõ ràng: những quốc gia Đông Âu càng gần với những nền dân chủ lâu đời hơn-càng có nhiều kinh nghiệm về xã hội dân chủ - thì cải cách dân chủ diễn ra càng nhanh, càng hiệu quả. Điều này thể hiện ở chỗ những nước như Ba Lan, Hung, Séc, Slovakia, Slovenia... đều có kết quả cải cách dân chủ hóa thành công cao hơn nhiều so với những nước như Bulgaria, Rumania hay những nước thuộc SNG...



Bảng xếp hạng các quốc gia Đông Âu và SNG so với cộng đồng quốc tế (2005)

Chi số Nước	GDP per capita (\$, PPP)	Dân số (triệu)	Xếp hạng Dân chủ	Xếp hạng Tự do báo chí	Xếp hạng Tham những	Xếp hạng Tự do kinh tế	Chi số tự do về quyền dân sự	Chi số tự do về quyền chính trị
Ba Lan	9,450	38.7	31	22	59	41	1	1
Séc	14,720	10.3	29	29	39	33	1	1
Hungari	12,340	10	25	25	32	35	1	1
Bulgari	6,890	8	39	45	47	52	2	1
Rumani	5,830	22.4	66	69	73	125	2	2
Slovakia	11,960	5.4	28	25	39	36	1	1
Látvia	7,730	2.4	26	13	43	28	1	1
Lithuania	8,470	3.5	23	17	36	23	1	1
Macedonia	6,110	2	69	72	91	69	3	3
Estonia	10,940	1.36	20	13	22	4	1	1
Georgia	2,680	2	74	81	115	100	3	3
Slovenia	17,130	2	21	20	26	45	1	1
Serbia &Montenegro		8.6	61	54	85		2	3
Bosnia & Herzegovina	5,970	4.1	92	67	76	84	4	4
Croatia	9,170	4.4	48	50	59	74	2	2
Albania	3,680	3.1	72	72	111	67	3	3
Nga	7,100	145	114	107	111	124	5	6
Ukraina	4,350	49.3	74	87	94	88	2 (2004: 4)	3 (2004:4)
Belarus	7,620	10	141	142	94	143	6	7

(Tác giả tự tập hợp sắp xếp thành bảng dựa trên nhiều số liệu điều tra khác nhau -cụ thể xin xem thêm ở phần ghi chú )

**Ghi chú:**

- Xếp hạng về dân chủ, tự do báo chí do tổ chức World Democracy Audit thực hiện năm 2005 đối với 151 quốc gia;
- Xếp hạng về tham nhũng do tổ chức Transparency International thực hiện năm 2005 với 143 quốc gia;
- Xếp hạng về tự do kinh tế được thực hiện với 161 quốc gia;
- Chỉ số tự do về quyền dân sự và chính trị do Tổ chức Freedom House thực hiện năm 2005 và 2004. Điểm từ 1-7 có nghĩa là nhiều tự do nhất đến ít tự do nhất.

**Bảng đánh giá chất lượng xã hội, cuộc sống ở các nước Đông Âu**

Chi số Nước	Xếp hạng Dân chủ (2005)	Đánh giá hệ thống chính trị (1999)	Mức độ tham gia các cuộc bầu cử (2003)	Mức độ tham gia các hoạt động xã hội (tổ chức chính trị, từ thiện) (1999)	Mức độ hài lòng của người dân với cuộc sống (2002)	Mức độ hài lòng đối với đời sống xã hội (2002)	Mức độ hài lòng đối với mức sống (2003)	Mức độ phân hóa giàu nghèo (GINI index)
Ba Lan	31	4.4	71	7	61	80	5.5	30
Séc	29	3.6	71	17	82	77	6.1	25
Hungari	25	5.5	81	7	64	68	5.8	23
Bulgari	39	4.8	79	9	37	40	4	25
Rumani	66	4.6	89	10	42	60	6.1	30
Slovakia	28	5.3	83	27	62	71	5.1	
Estonia	20	4.4	67	7	56	66	5.7	36
Latvia	26	4.3	80	7	49	48	5.7	31
Lithuania	23	5.4	85	5	63	65	5.1	31
Slovenia	21	4.7	90	13	90	89	6.5	22
EU 15		5.1	81	16	83	(1999) 89	7.2	

(Tác giả tự tập hợp sắp xếp thành bảng dựa trên nhiều số liệu điều tra khác nhau - cụ thể xin xem thêm ở phần ghi chú )

Ghi chú:

- Chỉ số hệ thống chính trị: từ 1 đến 10 là từ rất tồi đến rất tốt.

(EVS 1999);

- Mức độ tham gia bầu cử: số phần trăm người dân đủ 18 tuổi đi tham gia bỏ phiếu.

(EQLS 2003);

- Mức độ tham gia các tổ chức chính trị, từ thiện: số % dân số trên 15 tuổi có tham gia vào các tổ chức chính trị hoặc từ thiện như: tổ chức phúc lợi xã hội, công đoàn, đảng chính trị, các hoạt động cộng đồng địa phương, các nhóm thanh niên, phụ nữ, môi trường...

[EVS 1999];

- Chỉ số hài lòng với cuộc sống xã hội: là số % những người từ trên 15 tuổi trong xã hội cảm thấy hài lòng với cuộc sống hiện tại.

(Eurobarometer, 2002);

- Chỉ số mức độ hài lòng với đời sống xã hội: là % dân số trên 15 tuổi cảm thấy hài lòng với đời sống xã hội.

(Eurobarometer 1999, 2002);

- Chỉ số hài lòng với mức sống: từ 1 đến 10 là từ rất tồi đến rất tốt.

(EQLS 2003);

- Chỉ số phân hóa giàu nghèo Gini index: 0-100, 0 nghĩa là mọi người đều có thu nhập như nhau 100 là hoàn toàn bất bình đẳng: một người có tất cả những người còn lại không có gì.

(Eurostat New Cronos);

*Nguồn:*

<http://www.worldaudit.org/democracy.htm>

<http://www.worldaudit.org/civillibs.htm>

<http://www.worldaudit.org/economicfreedom.htm>

<http://www.worldaudit.org/polrights.htm>

<http://bti2003.bertelsmann-transformation-index.de/462.0.html?&L=1>

<http://www.eurofound.eu.int>